

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về dự án và gói thầu

1. Mô tả khái quát về dự án

- 1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp ngõ 83 đường Phú Xá.
- 1.2. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND phường Đông Hải
- 1.3. Loại cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV
- 1.3. Địa điểm xây dựng: phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
- 1.4. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách sự nghiệp

2. Mục tiêu dự án, phương án đầu tư xây dựng

Mục tiêu dự án: Khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của tuyến đường hiện tại, từng bước chỉnh trang đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực nhằm nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn phường.

Phương án thiết kế

2.1. Hạng mục: Nền mặt ngõ

* Bình đồ thiết kế:

- Phạm vi ranh giới: điểm đầu giao với đường Phú Xá, điểm cuối ngõ cụt, kết thúc tại khu vực dân cư; Tổng chiều dài các tuyến 370,0m;

- Diện tích mặt ngõ: 1202,7m², trong đó tuyến chính bê tông nhựa + vuốt nổi 635,9m², các tuyến nhánh bê tông xi măng + vuốt nổi 566,8m².

* Cấu tạo trắc ngang thiết kế chính - Bê tông nhựa:

- Mặt cắt ngang ngõ 2 mái từ tim sang 2 bên mép đường, độ dốc $i=2\%$;

Kết cấu ngõ gồm các lớp từ trên xuống:

- + Lớp bê tông nhựa C12.5 dày 7cm;
- + Lớp nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1.0kg/m²;
- + Lớp CPĐĐ loại 1 đầm chặt dày 15cm;
- + Lớp CPĐĐ loại 2 đầm chặt dày 18cm;
- + Lớp đất núi đầm chặt K98 dày 30cm
- + Đáy khuôn đào hoặc cát đắp mang công đầm chặt.

* Cấu tạo trắc ngang thiết kế vị trí vuốt nổi - Bê tông nhựa:

Kết cấu ngõ gồm các lớp từ trên xuống:

- + Lớp bê tông nhựa C12.5 dày 7cm;
- + Lớp nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1.0kg/m²;
- + Lớp CPĐĐ loại 1 đầm chặt dày 15cm;
- + Bù vênh bằng cấp phối đá dăm đầm chặt.

- Kết cấu vỉa hè tuyến chính lắp đặt đan rãnh, bó vỉa bê tông xi măng. Diện tích vỉa hè 156,67m². Kết cấu vỉa hè gồm các lớp từ trên xuống:

- + Lớp gạch terrazzo 40x40x3cm;
- + Lớp vữa lót xi măng mác 75 dày 2cm;
- + Lớp bê tông nền đá 1x2 mác 200 dày 10cm;
- + Lớp nilong chống mất nước xi măng;
- + Bù vênh cos mặt hè bằng cấp phối đá dăm đầm chặt.
- * Cấu tạo trắc ngang thiết kế các tuyến ngách bê tông xi măng;
- Mặt cắt ngang ngõ 2 mái dốc từ mép ngõ vào tim, độ dốc $i=1,5\%$;

Kết cấu ngõ gồm các lớp từ trên xuống:

- + Lớp bê tông xi măng mác 250 đá 1x2 dày 15cm, cắt khe co, dãn, xoa nhẵn mặt bằng máy;
- + Lớp nilon chống thấm nước xi măng;
- + Lớp CPĐD loại 1 đầm chặt dày 15cm;
- + Đáy khuôn đào hoặc cát đắp mang công đầm chặt.

2.2. Hạng mục: Hệ thống thoát nước

* Bình đồ thiết kế:

- Tuyến chính (các vị trí bề rộng nền đường 5,5m): Cải tạo, lắp đặt tuyến cống BTCT D600 giữa lòng đường chôn ngầm, thu nước mặt bằng hố thu nước 2 bên mép vỉa hè. Điểm xả thoát ra hệ thống thoát nước chung khu vực đường Phú Xá.

- Các tuyến nhánh còn lại: Cải tạo, lắp đặt tuyến cống BTCT D300, D400 chôn ngầm, các ga thu, thăm thoát nước mặt và nước sinh hoạt nhà dân 2 bên. Điểm xả thoát ra hệ thống thoát nước chung của tuyến chính.

* Trắc dọc thiết kế:

- Tuyến cống D300 độ dốc đáy $i=0.30\%$;
- Tuyến cống D400 độ dốc đáy $i=0.25\%$;
- Tuyến cống D600 độ dốc đáy $i=0.17\%$;

* Cấu tạo - lắp đặt công thoát nước:

- Cống D300: đúc li tâm cấp tải tiêu chuẩn đặt trên gối công BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn; lớp lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm.

- Cống D400: đúc li tâm cấp tải tiêu chuẩn; đặt trên gối công BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn; lớp lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm.

- Cống D600: đúc li tâm cấp tải tiêu chuẩn đặt trên gối công BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn; lớp lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm.

* Xây dựng hố ga thăm, thu thoát nước bằng gạch đồng bộ.

Chi tiết phương án thiết kế công trình tuân thủ theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm E-HSMT

3. Thông tin chung về gói thầu:

- Tên gói thầu: Thi công xây dựng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.

4. Phạm vi công việc gói thầu:

Thi công xây dựng các hạng mục công việc của gói thầu đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật tại Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành theo quy định của pháp luật.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày bắt đầu theo quy định của hợp đồng đến khi hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng không vượt quá 90 ngày.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về quản lý chất lượng:

Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát.

- Nhà thầu nêu bộ máy quản lý tại trụ sở và tại hiện trường (có sơ đồ và thuyết minh cụ thể).

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng; trong đó nêu rõ mô hình, chức năng, nhiệm vụ của các tổ đội, cán bộ chủ chốt;....

- Nhân sự chủ chốt chỉ được thay đổi khi được sự đồng ý của Chủ đầu tư bằng văn bản. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tối thiểu bằng năng lực, kinh nghiệm của nhân sự bị thay thế.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị

Tất cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công và lắp đặt cho công trình phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Yêu cầu phải có chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của các loại vật tư, vật liệu. Các thiết bị phục vụ thi công phải là những thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chủng loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế quy định và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy phạm quy định.

Ghi chú:

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng khối lượng mời thầu hoặc yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu vật tư, thiết bị hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng

"tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

- Cụm từ “tương đương” được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng.

4. Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt

Nhà thầu phải tuân thủ đúng trình tự thi công, lắp đặt theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt từ khi nhận bàn giao mặt bằng đến khi công trình hoàn thành bàn giao đưa và đưa vào sử dụng.

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ

Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành về an toàn phòng, chống cháy, nổ trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường

Nhà thầu phải sử dụng các biện pháp hợp lý để đảm bảo vệ sinh môi trường thi công, đảm bảo qui định vệ sinh môi trường, giao thông đô thị, không làm ảnh hưởng tới hoạt động và sinh hoạt bình thường của các công trình lân cận.

Nhà thầu phải dọn dẹp toàn bộ hệ thống kho bãi công trình, tổng vệ sinh các hạng mục, thu dọn phế thải để hoàn nguyên cảnh quan khu vực trước khi tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình.

7. Yêu cầu về an toàn lao động

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và có các biện pháp đảm bảo an toàn lao động theo quy định trong suốt quá trình thi công xây dựng công trình.

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công

Nhà thầu phải có biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công hợp lý, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ cam kết trong HSĐT.

Những thiết bị xe máy đưa vào công trình đều là loại được lựa chọn có công suất và tính năng phù hợp, chất lượng còn tốt, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Nhà thầu tùy thuộc vào Biểu đồ tiến độ thi công và biểu đồ sử dụng máy móc thi công mà sử dụng dụng máy móc cho phù hợp. Căn cứ vào mức độ đáp ứng và sự phù hợp sử dụng máy móc trong công tác thi công đó để đánh giá.

Tất cả các chi phí liên quan đến vận hành, bảo dưỡng, khấu hao và dời chuyển các máy móc thi công phải được tính trong giá dự thầu.

IV. Các bản vẽ

Theo file đính kèm E-HSMT.